TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 27-3-2024
V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân
2. Bà Trần Thị Thanh Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 391/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST– HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị K, sinh năm 1982.

Địa chỉ: số E đường T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh K1, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký HKTT: thôn E, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại: Trạm giam Đ, đóng tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa và có đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị K trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: chị xây dựng gia đình với anh K1 năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/6/2003 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô xát nhau. Chị và anh K1 đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh K1.

Về con chung: vợ chồng chị có con chung tên là K2, sinh ngày 09/12/2003; K'Tịnh, sinh ngày 18/12/2008. Khi ly hôn, con chung là K2 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là K'Tịnh cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị K không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh K1 trình bày tại biên bản ghi lời khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị K quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian thì quyết định chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2003. Hôn nhân giữa anh và chị K là tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý nhưng không tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán. Đến năm 2010, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị K ngoại tình. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Năm 2019, anh phạm tội: "Hiếp dâm", anh bị tạm giam, hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ1 đóng trên địa bàn thôn A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Trong suốt quá trình bị tạm giam, bị chấp hành án, chị K không thăm gặp anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh cũng không còn yêu chị K nên anh đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: quá trình chung sống, vợ chồng anh có con chung tên là K2, sinh ngày 09/12/2003; K'Tịnh, sinh ngày 18/12/2008. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung là K'Tịnh cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là K2 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh K1 không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng bị đơn anh K1 vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh K1. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên là K3, sinh ngày 18/12/2008 cho chị K có trách

nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, đương sự xác định không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về án phí: buộc chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh K1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và có đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh K1 đăng ký nơi cư trú: thôn E, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị K và anh K1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 04/6/2003 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị K, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua xác minh các cơ quan, đoàn thể ở địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh K1, chị K là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xô xát nhau. Vợ chồng anh K1 và chị K đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2013 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh K1 và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, tại biên bản ghi lời khai, anh K1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh không còn yêu thương chị K nên anh đồng ý ly hôn với chị K. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh K1 là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: chị K và anh K1 xác định vợ chồng có con chung là K2, sinh ngày 09/12/2003; K'Tịnh, sinh ngày 18/12/2008. Khi ly hôn, chị K và anh K1 đều xác định đối với con chung là K2 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên anh, chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết. Đối với con chung là K3 thì chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con; anh K1 cũng đồng ý giao con chung là K3 cho chị K có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ khi anh K1 và chị K sống ly thân đến nay, con chung là K3 vẫn sống cùng với chị K. Đồng thời, trong lời khai: cháu K3 có nguyện vọng ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là K3, sinh ngày 18/12/2008 cho chị K có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu anh K1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung: chị K và anh K1 xác định vợ chồng không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: chị K và anh K1 xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: buộc chị K phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh K1.

2. Về con chung: giao con chung tên là K3, sinh ngày 18/12/2008 cho chị K có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh K1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: buộc chị K phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000177 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh